

ĐA DẠNG CÂY THUỐC THUỘC NGÀNH NGỌC LAN (MAGNOLIOPHYTA) CÓ TIỀM NĂNG CHỮA BỆNH THẤP KHỚP TẠI TRẠM ĐA DẠNG SINH HỌC MÊ LINH, THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

**BÙI THU HÀ, NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN,
NGUYỄN THỊ NGUYỄN, NGUYỄN VĂN QUYỀN**
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

TRẦN THẾ BÁCH, LÊ BÁ DUY
*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

PHẠM QUỲNH ANH
Trường Đại học Tây Bắc

Thấp khớp là loại bệnh xuất hiện từ thời cổ đại và vẫn khá phổ biến trong xã hội ngày nay. Việc hỗ trợ chữa trị nhiều bệnh trong đó có bệnh thấp khớp từ cây cỏ đang là xu hướng của các nước trên thế giới. Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi có nhiều loài cây có giá trị làm thuốc. Để cung cấp thêm nguồn dữ liệu về nguồn tài nguyên có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp, góp phần làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thực vật tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh, chúng tôi đã thực hiện đề tài “Đa dạng cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc”.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu ngoài thực địa: Phương pháp thu mẫu vật và làm tiêu bản theo “Các phương pháp nghiên cứu thực vật” của Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007 [5].

- Nghiên cứu trong phòng thí nghiệm: Các nghiên cứu được thực hiện trong Phòng thí nghiệm khoa Sinh học thuộc Đại học Sư phạm Hà Nội và Phòng Thực vật thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

- Phương pháp hình thái so sánh được sử dụng để định loại các mẫu thực vật theo tài liệu chuyên ngành [1, 4].

- Tập hợp các tài liệu về các loài có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh qua các đợt điều tra thực địa và các tài liệu về cây thuốc [2, 3].

- Nhập dữ liệu, phân tích số liệu bằng chương trình Microsoft Access.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

I. Thành phần loài thực vật hạt kín có tiềm năng chữa thấp khớp tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh

Qua nghiên cứu trên thực địa, phân tích, giám định tên loài dựa vào tài liệu, mẫu vật, chúng tôi đã lập bảng danh lục các loài cây hạt kín có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tại khu vực nghiên cứu (KVNC). Các loài và các họ được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Takhtajan (1973).

119 loài có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh thuộc 102 chi được xếp trong 45 họ, 2 lớp. Bộ phận được sử dụng làm thuốc của các loài cũng rất đa dạng: toàn cây hoặc từng bộ phận của thân hay rễ hoặc lá,...

2. Đánh giá mức độ đa dạng của các loài nghiên cứu ở mức độ taxon (lớp, họ, chi, loài), dạng cây và bộ phận được sử dụng làm thuốc

Bảng 1

Đánh giá mức độ đa dạng cây thuốc ở mức lớp

Lớp	Số loài	Số chi	Số họ
Liliopsida (Monocotyledones)	8	7	5
Magnoliopsida (Dicotyledones)	111	95	40

Trong 119 loài thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp đã điều tra được tại khu vực nghiên cứu thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có 40 họ, 95 chi, 111 loài chiếm 92,28% tổng số; lớp Hành (Liliopsida) có 5 họ, 7 chi, 8 loài chiếm 17,72% tổng số.

Bảng 2

Đánh giá mức độ đa dạng cây thuốc ở mức họ

STT	Họ	Số loài	Tỷ lệ %	STT	Họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	ACANTHACEAE	2	1,68	24	LAURACEAE	2	1,68
2	AMARANTHACEAE	2	1,68	25	LEEACEAE	2	1,68
3	AMARYLLIDACEAE	1	0,84	26	MALVACEAE	5	4,2
4	ANACARDIACEAE	1	0,84	27	MELIACEAE	2	1,68
5	ARACEAE	2	1,68	28	MENISPERMACEAE	5	4,2
6	ARALIACEAE	4	3,36	29	MIMOSACEAE	2	1,68
7	ASCLEPIDACEAE	2	1,68	30	MORACEAE	4	3,36
8	ASTERACEAE	6	5,04	31	MYRTACEAE	2	1,68
9	BIGNONIACEAE	1	0,84	32	OLEACEAE	2	1,68
10	BORAGINACEAE	1	0,84	33	OXALIDACEAE	1	0,84
11	BRASSICACEAE	2	1,68	34	PIPERACEAE	1	0,84
12	CAPPARACEAE	2	1,68	35	PROTEACEAE	1	0,84
13	CAPRIFOLIACEAE	2	1,68	36	RHAMNACEAE	1	0,84
14	CELASTRACEAE	1	0,84	37	RUBIACEAE	15	12,6
15	CHLORANTHACEAE	1	0,84	38	RUTACEAE	8	6,72
16	CONNARACEAE	1	0,84	39	SAURURACEAE	1	0,84
17	CONVALLARIACEAE	1	0,84	40	SCROPHULARIACEAE	1	0,84
18	CONVOLVULACEAE	2	1,68	41	SMILACACEAE	3	2,52
19	CUCURBITACEAE	1	0,84	42	SOLANACEAE	4	3,36
20	DILLENNIACEAE	1	0,84	43	VERBENACEAE	4	3,36
21	EUPHORBIACEAE	4	3,36	44	VITACEAE	4	3,36
22	FABACEAE	3	2,52	45	ZINGIBERACEAE	1	0,84
23	LAMIACEAE	5	4,2				

Tại KVNC các loài thực vật hạt kín có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tập trung chủ yếu trong họ Cà phê (Rubiaceae) với 15 loài chiếm 12,6% tổng số, kể đến là họ Cam (Rutaceae) có

8 loài chiếm 6,72% và họ Cúc (Asteraceae) có 6 loài chiếm 5,04% tổng số. Có 3 họ với 5 loài chiếm 4,2% là: họ Bông (Malvaceae), họ Bạc hà (Lamiaceae), họ Tiết dẻ (Menispermaceae). Có 6 họ gồm 4 loài. Các họ còn lại số loài có từ 1- 3.

Bảng 3

Đánh giá mức độ đa dạng cây thuốc ở mức chi

STT	Tên chi	Số loài	%	STT	Tên chi	Số loài	%
1	<i>Abelmoschus</i>	1	0,84	52	<i>Litsea</i>	2	1,68
2	<i>Achyranthes</i>	1	0,84	53	<i>Lonicera</i>	1	0,84
3	<i>Acorus</i>	1	0,84	54	<i>Maclura</i>	1	0,84
4	<i>Acronychia</i>	1	0,84	55	<i>Mimosa</i>	1	0,84
5	<i>Albutilon</i>	1	0,84	56	<i>Momorrđica</i>	1	0,84
6	<i>Ampelopsis</i>	1	0,84	57	<i>Morinda</i>	2	1,68
7	<i>Anisomeles</i>	1	0,84	58	<i>Mussaenda</i>	1	0,84
8	<i>Artemisia</i>	1	0,84	59	<i>Ocimum</i>	1	0,84
9	<i>Atalantia</i>	1	0,84	60	<i>Operculina</i>	1	0,84
10	<i>Averrhoa</i>	1	0,84	61	<i>Ophiopogon</i>	1	0,84
11	<i>Baekea</i>	1	0,84	62	<i>Oroxylum</i>	1	0,84
12	<i>Berchemia</i>	1	0,84	63	<i>Osmanthus</i>	1	0,84
13	<i>Bidens</i>	1	0,84	64	<i>Paederia</i>	1	0,84
14	<i>Bischofia</i>	1	0,84	65	<i>Pavetta</i>	1	0,84
15	<i>Blumea</i>	1	0,84	66	<i>Perilla</i>	1	0,84
16	<i>Brassaiopsis</i>	1	0,84	67	<i>Phyllodium</i>	1	0,84
17	<i>Breynia</i>	1	0,84	68	<i>Piper</i>	1	0,84
18	<i>Callicarpa</i>	1	0,84	69	<i>Polyscias</i>	1	0,84
19	<i>Capsicum</i>	1	0,84	70	<i>Prismatomeris</i>	1	0,84
20	<i>Cayratia</i>	1	0,84	71	<i>Psychotria</i>	2	1,68
21	<i>Cipadessa</i>	1	0,84	72	<i>Randia</i>	1	0,84
22	<i>Cissus</i>	2	1,68	73	<i>Ricinus</i>	1	0,84
23	<i>Citrus</i>	1	0,84	74	<i>Rorippa</i>	2	1,68
24	<i>Cleome</i>	2	1,68	75	<i>Rourea</i>	1	0,84
25	<i>Cocculus</i>	1	0,84	76	<i>Salacia</i>	1	0,84
26	<i>Conyza</i>	1	0,84	77	<i>Sambucus</i>	1	0,84
27	<i>Crinum</i>	1	0,84	78	<i>Sarcandra</i>	1	0,84
28	<i>Croton</i>	1	0,84	79	<i>Saururus</i>	1	0,84
29	<i>Cyathula</i>	1	0,84	80	<i>Sida</i>	2	1,68
30	<i>Datura</i>	1	0,84	81	<i>Sigesbeckia</i>	1	0,84
31	<i>Dendrobium</i>	1	0,84	82	<i>Smilax</i>	2	1,68
32	<i>Dendropanax</i>	1	0,84	83	<i>Solanum</i>	2	1,68
33	<i>Elsholtzia</i>	1	0,84	84	<i>Spondias</i>	1	0,84
34	<i>Entada</i>	1	0,84	85	<i>Stachytarpheta</i>	1	0,84
35	<i>Eucalyptus</i>	1	0,84	86	<i>Stephania</i>	2	1,68
36	<i>Eüodia</i>	1	0,84	87	<i>Streblus</i>	1	0,84

37	<i>Ficus</i>	2	1,68	88	<i>Streptocaulon</i>	1	0,84
38	<i>Flemigia</i>	1	0,84	89	<i>Tetracera</i>	1	0,84
39	<i>Glycosmis</i>	1	0,84	90	<i>Teucrium</i>	1	0,84
40	<i>Hedyotis</i>	3	2,52	91	<i>Thunbergia</i>	1	0,84
41	<i>Heliciopsis</i>	1	0,84	92	<i>Tinospora</i>	2	1,68
42	<i>Heliotropium</i>	1	0,84	93	<i>Trevesia</i>	1	0,84
43	<i>Heterosmilax</i>	1	0,84	94	<i>Trichilia</i>	1	0,84
44	<i>Homalomena</i>	1	0,84	95	<i>Uncaria</i>	1	0,84
45	<i>Hoya</i>	1	0,84	96	<i>Urena</i>	1	0,84
46	<i>Ixora</i>	1	0,84	97	<i>Vitex</i>	1	0,84
47	<i>Jasminum</i>	1	0,84	98	<i>Wendlandia</i>	1	0,84
48	<i>Justicia</i>	1	0,84	99	<i>Xanthium</i>	1	0,84
49	<i>Lantana</i>	1	0,84	100	<i>Xenostegia</i>	1	0,84
50	<i>Leea</i>	2	1,68	101	<i>Zanthoxylum</i>	3	2,52
51	<i>Lindernia</i>	1	0,84	102	<i>Zingiber</i>	1	0,84

Qua bảng thống kê cho thấy: 119 loài nghiên cứu tập trung trong 102 chi, chi có duy nhất 1 chi gồm 3 loài là chi Dạ cảm (*Hedyotis*) thuộc họ Cà phê (Rubiaceae), có 13 chi gồm 2 loài, còn lại 88 chi chỉ có 1 loài. Do số lượng loài trong mỗi chi rất ít nên độ đa dạng chi khá cao.

Bảng 4

Mức độ đa dạng về dạng cây

STT	Dạng cây	Số loài	%
1	Thân bụi	24	20,17
2	Thân gỗ	31	26,05
3	Thân leo	30	25,21
4	Thân thảo	34	28,57

Qua bảng tổng kết cho thấy: các dạng cây thuộc có khả năng chứa chất khớp phân chia khá đồng đều nhau. Dạng cây gỗ phổ biến hơn cả là thân thảo chiếm 28,57%, dạng cây này tập trung chủ yếu trong các họ: Cúc (Asteraceae), Bạc hà (Lamiaceae), Ráy (Araceae),... chúng thường sống ven đường đi, ven rừng nơi có nhiều ánh sáng. Tiếp theo là nhóm cây thân gỗ chiếm 26,05% sống ven rừng hoặc trong rừng, thuộc các họ: Long não (Lauraceae), Dầu tằm (Moraceae), Cam (Rutaceae),... Cây thân leo có 30 loài được sử dụng chiếm 25,21% thường mọc ven đồi nương, dưới tán rừng tập trung trong các họ: Tiết dê (Menispermaceae), Nho (Vitaceae), Cà phê (Rubiaceae),... Cây thân bụi có 24 loài được sử dụng chiếm 20,17% tổng số.

Qua bảng 5 ta thấy hầu hết các bộ phận của cây đều được sử dụng để làm thuốc. Tuy nhiên có sự chênh lệch rất rõ giữa các nhóm bộ phận. Các bộ phận sinh dưỡng được sử dụng rất nhiều trong đó rễ cây là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 78 loài. Hầu hết các họ đều có đại diện sử dụng rễ làm thuốc chữa bệnh. Ngoài ra còn có 5 loài có rễ củ được sử dụng. Thân cũng là bộ phận sinh dưỡng được sử dụng khá phổ biến, gồm 64 loài chiếm bao gồm phần thân trên mặt đất (59 loài) và thân ngầm (5 loài). Phần thân trên mặt đất có thể sử dụng dạng toàn thân (chiếm đa số), vỏ thân (*Randia spinosa* (Thunb.) Poir., *Ficus fulva* Reinw. ex Blume, *Streblus asper* Lour...) hoặc phần lõi gỗ (*Pavetta indica* L.). Nhóm cây sử dụng thân rễ tập trung ở 3 họ là: họ Mạch môn (*Convallariaceae*), họ Khúc khắc (*Smilacaceae*), họ gừng (*Zingiberaceae*). Số

loài cây sử dụng lá gồm 48 loài. Các bộ phận sinh sản được sử dụng với tần số rất thấp, cụ thể như sau: hoa có 3 loài (*Conyza canadensis* (L.) Cronq., *Datura metel* L., *Lonicera japonica* Thunb.); quả có 3 loài (*Zanthoxylum rhetsa* (Roxb.) DC., *Zanthoxylum nitidum* (Lamk.) DC., *Capsicum frutescens* L.); hạt có 2 loài (*Cleome viscosa* L., *Litsea monopetalata* (Roxb.) Pers). *Aeronychia pedunculata* (L.) Miq. là loài duy nhất sử dụng nhựa. Việc xác định các bộ phận làm thuốc giúp định hướng được phương pháp thu hái, chế biến cũng như biện pháp bảo tồn và phát triển nguồn nguyên liệu.

Bảng 5

Sự đa dạng về tần số sử dụng các bộ phận khác nhau

STT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ%
1	Củ	3	2,52
2	Hạt	2	1,68
3	Hoa	3	2,52
4	Lá	48	40,34
5	Nhựa	1	0,84
6	Quả	3	2,52
7	Rễ	78	65,54
8	Thân (trên mặt đất)	59	49,58
9	Thân rễ	5	4,2

III. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đa dạng thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc đã dẫn đến những kết luận chủ yếu sau:

- 119 loài cây hạt kín có tiềm năng chữa bệnh thấp khớp được ghi nhận tại Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh thuộc 102 chi, 54 họ, 2 lớp; trong đó lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm 92,28% tổng số loài, lớp Hành (Liliopsida) chiếm 17,28% tổng số loài.
- Họ thực vật có nhiều loài nhất là họ Cúc (Asteraceae) chiếm 5,04% tổng số loài.
- Chi thực vật có nhiều loài nhất là chi Dạ cẩm (*Hedyotis*) chiếm 2,52% tổng số loài.
- Bộ phận sử dụng để làm thuốc chữa bệnh thấp khớp chủ yếu là rễ, sau đó là thân và lá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) và các cộng sự, 2003-2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, tập 3.
2. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc, Nxb. KHK, Hà Nội, tập 1: 381-382, tập 2: 220-222, 1028.
3. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, tập 1, 2.
4. Võ Văn Chi, Trần Hợp, 2000. Cây cỏ có ích, Nxb. Giáo dục.

5. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu Thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

**DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS USED TO TREAT RHEUMATISM IN
THE ME LINH STATION FOR BIODIVERSITY, PHUC YEN TOWN,
VINH PHUC PROVINCE, VIETNAM**

**BUI THU HA, NGUYEN THI HONG LIEN,
NGUYEN THI NGUYEN, NGUYEN VAN QUYEN,
TRAN THE BACH, LE BA DUY, PHAM QUYNH ANH**

SUMMARY

Our survey in Me Linh station for Biodiversity results documentation of 119 species belonging to 102 genera, 54 families, 2 classes of Magnoliophyta which can be used to treat rheumatism. Magnoliopsida was found to be the most dominant class with 92.28% of all species followed by Liliopsida with 17.28% of all species. Asteraceae was the most dominant family with 6 species (5.04% of all species). *Hedyotis* was the most dominant genus with 3 species (2.52% of all species). Roots of these plants are mainly used to treat rheumatism.